

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Cheo;

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neáng N, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ 18, khóm 4, thị trấn TT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng Ph, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ 20, ấp TT, xã NT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lại ngày 28 tháng 4 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Neáng N trình bày:

Bà và ông Võ Hoàng Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 6 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện Tri Tôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại tổ 20, ấp TT, xã NT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Ph không quan tâm đến vợ con nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, bà N yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hoàng Ph.

Về con chung: Có hai con chung tên Võ Định H, sinh ngày 30-6-2013 và Võ Bích Tr, sinh ngày 21-10-2015. Bà N yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Bích Tr và đồng ý giao Võ Định H cho ông Võ Hoàng Ph nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Hoàng Ph có lời khai ngày 17 tháng 8 năm 2020 như sau:*

Về hôn nhân: Ông và bà N tự tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT ngày 26-6-2013, trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà Neáng N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: có hai con chung tên Võ Định H, sinh ngày 30-6-2013 và Võ Bích Tr, sinh ngày 21-10-2015. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Võ Định H, giao Võ Bích Tr cho bà Neáng N nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Do bận công việc đi làm ăn xa nên xin vắng mặt khi tòa án triệu tập hòa giải và xét xử.

- *Ý kiến của cháu Võ Định H:* Có nguyện vọng được sống với cha tên Võ Hoàng Ph sau khi cha mẹ ly hôn.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn mặc dù được thông báo hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do tại hai lần triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Neáng N và ông Võ Hoàng Ph có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa bà N và ông Ph không còn hạnh phúc, cả hai bỏ mặt không còn quan tâm nhau, thể hiện từ năm 2017 thì ông, bà đã không còn sống chung với nhau. Như vậy, thấy rằng cuộc sống

hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: có hai con chung là cháu Võ Đình H, sinh ngày 30-6-2013 và Võ Bích Tr, sinh ngày 21-10-2015. Bà N và ông Ph thống nhất, ông Ph nuôi cháu Võ Đình H, sinh ngày 30-6-2013, bà N nuôi dưỡng cháu Võ Bích Tr, sinh ngày 21-10-2015, sự thống nhất này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Neáng N và ông Võ Hoàng Ph không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông Ph thừa nhận không có nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Hoàng Ph đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Võ Hoàng Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 20, ấp TT, xã NT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Neáng N và ông Võ Hoàng Ph tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện Tri Tôn vào ngày 26-6-2013 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của các bên đều xác định có xảy ra mâu thuẫn, bà N và ông Ph thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, ông Ph xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, mà giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét thấy, qua ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Neáng N xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Bà Neáng N và ông Võ Hoàng Ph có hai con chung tên Võ Định H, sinh ngày 30-6-2013 và Võ Bích Tr, sinh ngày 21-10-2015. Bà Neáng N và ông Võ Hoàng Ph thống nhất, bà Neáng N sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Bích Tr, ông Ph nuôi cháu Võ Hoàng Hương, sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N, ông Ph không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Neáng N và ông Võ Hoàng Ph khai không có nên không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bà Neáng N xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Võ Hoàng Ph không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Neáng N đối với ông Võ Hoàng Ph. Bà Neáng N được ly hôn với ông Võ Hoàng Ph.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66 ngày 26-6-2013 của Ủy ban nhân dân xã NT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Võ Định H, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho ông Võ Hoàng Ph tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Võ Bích Tr, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2015 cho bà Neáng N tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Võ Hoàng Ph và bà Neáng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí: Bà Neáng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0000212 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Neáng N đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã Núi Tô;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng